TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 23/2019/DS-PT.
Ngày 04/5/2020.
"*V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: - Ông Đặng Văn Quyết.

- Bà Phạm Thị Minh Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang***: Ông Lương Thất Tùng- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/3/2020 và ngày 04/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLPT-DS ngày 08/01/2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Yên D có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐ-PT ngày 25/3/2020 Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2020/QĐ-PT ngày 27/3/2020 và thông báo số 19/TB ngày 22/4/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** 1. Ông Thân Văn L, sinh năm 1932 (có mặt)

2. Bà Hà Thị Kh, sinh năm 1940 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Tùng là Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư Trung Hòa - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà CT13B khu đô thị Ciputra, đường Võ Trí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (có mặt).

*** Bị đơn:** 1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 (có mặt tại phiên tòa ngày 27/3 vắng mặt tại phiên tòa ngày 04/5/2020).

2. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 (vắng mặt)

3. Bà Thân Thị Ph, sinh năm 1945 (có mặt tại phiên tòa ngày 27/3 vắng mặt tại phiên tòa ngày 04/5/2020)

4. Bà Thân Thị Th, sinh năm 1953 (có mặt tại phiên tòa ngày 27/3 vắng mặt tại phiên tòa ngày 04/5/2020)

Cùng địa chỉ: Thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Thân Văn Th, sinh năm 1986 (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1988 (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn Phú, sinh năm 1968 (vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1969 (có mặt tại phiên tòa ngày 27/3 vắng mặt tại phiên tòa ngày 04/5/2020)

5. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990 (vắng mặt)

6. Chị Dương Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

7. Chị Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1992; nơi ĐKHK: Thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện nay: Tokyo, quận Iavachi 1-59-4, phòng 201; Hiện đang học khoa quản trị kinh doanh tại Trường đại học quốc tế Tokyo (Vắng mặt).

8. Ủy ban nhân dân xã Tiền Ph, huyện Yên D do ông Trần Văn H, chức vụ: Chủ tịch UBND xã Tiền Ph đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thân Văn Gi, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Tiền Ph; địa chỉ: Thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

9. Ủy ban nhân dân huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang do ông Bùi Quang H3, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Yên D đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phòng Thị Ng, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Yên D; địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn Neo, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

**** Người kháng cáo***: Ông Thân Văn L - Là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Thân Văn L và bà Hà Thị Kh trình bày:*

Khoảng năm 1986 - 1987 gia đình ông, bà được UBND xã Tiền Ph và Hạt kiểm lâm huyện Yên D giao cho một số diện tích đất lâm nghiệp, diện tích cụ thể bao nhiêu ông, bà không nắm được mà cán bộ chỉ tay cho ông, bà biết đất lâm nghiệp nhà ông, bà ở khoảng nào, chứ không hề đo đạc gì. Diện tích đất lâm nghiệp của ông bà có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Nam giáp hộ ông Nho, phía Bắc giáp hộ ông Chư, phía Đông giáp đường 398, phía Tây giáp với đất rừng của thôn Bình An.

Năm 1990 gia đình ông, bà có cho hộ gia đình bà Ph mượn diện tích đất lâm nghiệp khoảng 1.302m² để trồng bạch đàn mà gia đình ông, bà được cấp vào năm 1986 - 1987. Khoảng năm 1993 - 1994 gia đình ông, bà cho hộ gia đình bà Trinh (mẹ anh Hưng) mượn khoảng 1000m² đất lâm nghiệp, cho gia đình bà Thế mượn khoảng 800m² đất lâm nghiệp để trồng bạch đàn. Khi cho các hộ gia đình trên mượn đất lâm nghiệp thì các bên không lập giấy tờ cho mượn gì và cũng không đo diện tích cụ thể cho mượn là bao nhiêu mà chỉ áng chừng như trên. Khi cho các hộ

mượn ông, bà cũng không đưa các hộ trên lên núi để giao cho họ trên thực địa nên các hộ sử dụng diện tích của nhà ông, bà chỗ nào ông, bà cũng không nắm được. Các bên chỉ nói bằng miệng là cho nhau mượn đất lâm nghiệp.

Năm 1995 gia đình ông, bà được Ủy ban nhân dân huyện Yên D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đối với lô 96 có diện tích là 1,5 ha có địa chỉ tại thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D và có Biên bản giao nhận rừng và đất lâm nghiệp vào ngày 21/7/1995. Thực tế các cơ quan nhà nước không hề tiến hành đo đạc nên ông, bà không biết diện tích thực tế là bao nhiêu. Khoảng năm 2012, năm 2013 ông, bà được cán bộ địa chính xã thông báo diện tích đất rừng thực tế của gia đình ông, bà là khoảng 03 ha. Bản thân ông, bà không có tài liệu hay chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án để chứng minh về việc gia đình ông, bà được cấp khoảng 03 ha.

Khoảng trước năm 2001 gia đình ông, bà đã đòi các hộ gia đình trên trả lại cho gia đình ông, bà số diện tích đất rừng mà gia đình ông, bà cho mượn nhưng hộ gia đình bà Ph, bà Thế và anh Hưng (bà Trinh) không chịu trả lại đất lâm nghiệp cho gia đình ông, bà.

Sau khi ông, bà đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tổng diện tích cũng như tài sản trên đất tranh chấp và khi các cơ quan chuyên môn về xem xét thẩm định đã xác định diện tích đất tranh chấp là 16.649,2m^2. Nay ông, bà nhất trí với kết quả này và đề nghị:

- Anh Hưng và chị D trả lại cho ông, bà 1.258,9m^2 đất lâm nghiệp;
- Bà Thế trả lại cho ông, bà 837,3m^2 đất lâm nghiệp,
- Bà Ph trả lại cho ông, bà 1.806,4m^2 đất lâm nghiệp mà ông, bà đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Bị đơn là bà Thân Thị Th trình bày:* Khoảng những năm 1980 gia đình bà được Nhà nước giao cho sử dụng diện tích đất rừng giáp với diện tích đất ở nhà ông Thân Văn L. Đến năm 1994 ông L có đề nghị đổi cho gia đình bà để bà sử dụng diện tích đất rừng trên đỉnh núi, còn gia đình ông L sử dụng diện tích đất rừng của bà giáp đất ở của ông L để tiện cho việc sử dụng. Từ đó đến nay gia đình bà sử dụng ổn định trên diện tích đất rừng có diện tích 1.046,8m². Diện tích đất rừng nhà bà có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp hộ ông Nguyễn Văn Phú, phía Tây và phía Bắc giáp hộ ông Thân Văn L, phía Nam giáp hộ anh Thân Văn Cường. Thực tế thì diện tích đất rừng nhà bà có tên trong sổ mục kê của Ủy ban nhân dân huyện Yên D và sơ đồ địa chính của Huyện Yên D chứ gia đình bà chưa được Ủy ban nhân dân huyện Yên D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình bà đã sử dụng ổn định diện tích đất này từ năm 1994 đến nay và không có tranh chấp gì. Giữa nhà ông L và gia đình nhà bà không hề có việc cho nhau mượn đất rừng. Nay, ông L và bà Kh khởi kiện yêu cầu bà phải trả cho ông L và bà Kh diện tích đất rừng trên bà không đồng ý. Ngoài ra bà Thế không còn ý kiến nào khác.

** Bị đơn là bà Thân Thị Ph trình bày:* Khoảng năm 1989, gia đình bà được Nhà nước cấp cho diện tích 1.829,6m² đất rừng là số diện tích đất mà trước đó gia

đình bà đã tự khai hoang trồng trọt từ nhiều năm trước. Gia đình bà có được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp năm 1989, sau đó Nhà nước có chính sách thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp năm 1989 để cấp mới. Tuy nhiên, từ đó đến nay gia đình bà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp lại. Cụ thể diện tích đất rừng nhà bà có chiều dài là 62m, chiều rộng 21m, phía Đông giáp đường tỉnh lộ 289, phía Nam giáp hộ anh Thân Văn Cường, phía Tây giáp hộ ông Thân Văn L và giáp hộ bà Thân Thị Th, phía Bắc giáp hộ bà Thân Thị Thành. Thời hạn giao là giao lâu dài, mục đích để trồng bạch đàn, keo lá chàm. Hiện tại số diện tích đất này đang mang tên con trai bà là ông Nguyễn Văn Phú và có tên trong sổ mục kê của Ủy ban nhân dân xã Tiền Ph. Diện tích và sơ đồ thửa đất đều đã được đo chụp và lưu giữ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Yên D. Tuy nhiên, gia đình bà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này vì Ủy ban nhân dân huyện Yên D trả lời gia đình bà là do diện tích đất rừng của gia đình bà không đủ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên diện tích đất rừng nhà bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung với hộ gia đình ông Thân Văn L. Hiện tại gia đình bà vẫn sử dụng ổn định diện tích đất này từ nhiều năm và không có tranh chấp gì. Nay, ông L và bà Kh khởi kiện yêu cầu bà phải trả cho ông L và bà Kh diện tích đất rừng trên bà không đồng ý. Ngoài ra bà Ph không còn ý kiến nào khác.

** Bị đơn là anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị D trình bày:* Gia đình anh, chị đã khai hoang được khoảng 1000m² đất rừng từ khoảng những năm 1930 và sử dụng từ đó đến khoảng năm 1989 thì được Hạt kiểm lâm huyện Yên D giao cho 1000m² đất rừng trên chính diện tích đất rừng mà gia đình anh, chị đã tự khai hoang được để trồng bạch đàn, keo lá chàm, thời hạn là 10-20 năm kể từ ngày 23/7/1989, khi giao có lập biên bản giao đất rừng. Quá trình từ năm 1989 đến năm 1997 gia đình anh, chị trực tiếp quản lý và sử dụng diện tích đất rừng này. Từ năm 1997 đến năm 2000, khi đó ông L là trưởng thôn đã tự ý cho máy múc đến múc hết đất đối với diện tích đất của gia đình nhà anh, chị. Thời điểm đó giữa hai bên gia đình đã xảy ra mâu thuẫn và có đến UBND xã Tiền Ph để hòa giải nhưng không có kết quả. Từ đó đến nay toàn bộ diện tích đất của nhà anh, chị là gia đình ông L vẫn đang sử dụng, gia đình anh không hề được sử dụng trên diện tích đất rừng đó. Năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện Yên D có thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp nhưng gia đình anh không biết và không được làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp. Vì vậy, toàn bộ diện tích đất rừng của gia đình anh, chị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp mang tên hộ ông Thân Văn L. Sau này anh, chị có biết việc này nhưng anh, chị không có ý kiến gì vì bố, mẹ anh, chị đã mất nên bản thân anh, chị cũng không muốn có tranh chấp. Nay, ông L và bà Kh khởi kiện yêu cầu anh, chị phải trả cho ông L và bà Kh diện tích đất rừng trên anh, chị không đồng ý. Ngoài ra anh, chị không có ý kiến gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Phú và bà Nguyễn Thị Th1 trình bày*: Ông Phú là con trai của bà Ph, bà Th1 là con dâu của bà

Ph, ông Phú và bà Th1 là vợ chồng. Diện tích đất rừng nhà ông, bà đã được các cụ khai hoang từ những năm 1970, đến năm 1989 thì Nhà nước có giao cho gia đình ông, bà quản lý, sử dụng trên chính diện tích mà gia đình ông, bà đã khai hoang được. Thời hạn giao là lâu dài, mục đích để trồng bạch đàn, keo lá chàm. Hiện tại số diện tích đất này đang mang tên ông Nguyễn Văn Phú và có tên trong sổ mục kê của Ủy ban nhân dân xã Tiền Ph. Diện tích và sơ đồ thửa đất đều đã được đo chụp và lưu giữ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Yên D. Tuy nhiên, gia đình bà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Thời điểm đó gia đình ông, bà trồng bạch đàn trên diện tích đất rừng đã được Nhà nước giao, nhưng do nhận thấy trồng bạch đàn hiệu quả không cao nên đến năm 1991 gia đình ông, bà chuyển sang trồng cây vải để phát triển kinh tế gia đình. Nay, ông L và bà Kh khởi kiện yêu cầu ông, bà phải trả cho ông L và bà Kh diện tích đất rừng trên ông, bà không đồng ý. Ngoài ra ông, bà không có ý kiến gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Q và chị Dương Thị H trình bày*: Anh, chị là con của ông Phú và bà Th1, bản thân anh, chị có được biết gia đình có diện tích đất rừng để trồng vải từ nhiều năm nay nhưng thực tế như nào thì anh, chị không rõ. Anh, chị đồng ý với quan điểm của bà Ph, ông Phú và bà Th1. Ngoài ra anh, chị không có ý kiến gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thân Văn Th và chị Nguyễn Thị Ph trình bày*: Anh, chị là con của ông L và bà Kh. Năm 1983 gia đình anh chuyển từ xã Đồng Sơn về thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph sinh sống. Trong khoảng thời gian đó gia đình anh được chính quyền địa phương giao cho quản lý, sử dụng diện tích đất rừng theo diện đảng viên vì bố anh là đảng viên. Năm 1995 gia đình anh được Ủy ban nhân dân huyện Yên D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đối với lô 96 có diện tích là 1,5 ha có địa chỉ tại thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D và có Biên bản giao nhận rừng và đất lâm nghiệp vào ngày 21/7/1995. Vào khoảng những năm từ 1998 đến 2000 gia đình anh có cho hộ bà Ph, bà Thế, anh Hưng mượn đất rừng để trồng vải nhằm xóa đói giảm nghèo. Khi cho các hộ trên mượn đất để trồng vải thì gia đình anh không lập biên bản gì mà chỉ nói miệng là cho mượn đất để trồng vải. Sau đó gia đình anh đã nhiều lần yêu cầu hộ bà Ph, bà Thế, anh Hưng phải trả đất cho nhà anh nhưng các hộ đều không trả. Gia đình anh đã làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã Tiền Ph để hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Ph xác định chị về làm dâu nhà anh Th1 từ năm 2012 nên việc các bên cho mượn đất và xảy ra tranh chấp như nào chị không rõ. Nay, anh chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh, chị không có ý kiến gì khác.

** Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã Tiền Ph, huyện Yên D là ông Thân Văn Gi có ý kiến như sau*: Năm 1989, UBND huyện Yên D có tiến hành giao đất cho các hộ tiếp giáp đất rừng trên địa bàn xã Tiền Ph, trong đó có thôn Yên Sơn với mục đích để phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Năm 1995, UBND huyện Yên D thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ đã được giao đất rừng. Tuy nhiên, chỉ cấp cho những hộ có diện tích đất

rừng trên 0,5 ha, một số hộ có diện tích nhỏ sẽ được gộp chung vào để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp chung. Theo đó thì gia đình ông Thân Văn L được UBND huyện Yên D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp với diện tích 1,5 ha tại lô số 96 tại thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D.

Tại sổ mục kê và tờ bản đồ địa chính xã Tiền Ph đo đạc năm 2008 thì:

- Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 01 có diện tích là 28.307m² mang tên hộ ông Thân Văn L và ông Nguyễn Văn Phú (con bà Ph) là đất lâm nghiệp thuộc núi Yên Sơn, trong đó không xác định được diện tích cụ thể của mỗi hộ là bao nhiêu.

- Theo tờ bản đồ địa chính xã Tiền Ph đo đạc năm 2008 thì thửa đất số 34, tờ bản đồ số 53 có diện tích là 1.046,8m² mang tên hộ bà Thân Thị Th;

- Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 53 có diện tích 1.829,6m² mang tên hộ ông Nguyễn Văn Phú;

Đều là đất lâm nghiệp thuộc núi Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D. Theo tờ bản đồ địa chính xã Tiền Ph đo đạc năm 2008 thì:

- Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 78 có diện tích 489,9m² mang tên hộ anh Nguyễn Văn H là đất lâm nghiệp thuộc núi Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D.

Đối với các hộ ông Nguyễn Văn Phú, bà Thân Thị Th, anh Nguyễn Văn H chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp. Nay, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông Gi không có ý kiến gì khác.

** Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Yên D là bà Phòng Thị Ng có ý kiến như sau:* Năm 1995, trình tự, thủ tục giao đất rừng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho người sử dụng là do đơn vị Hạt kiểm lâm huyện Yên D tham mưu thực hiện, quản lý và lưu trữ hồ sơ. Vì vậy, hiện tại UBND huyện Yên D không có bất cứ tài liệu gì liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp năm 1995. Năm 2007-2008 xã Tiền Ph được đầu tư đo đạc bản đồ địa chính chính quy, theo kết quả thống kê chủ sử dụng đất, diện tích, loại đất sử dụng (sổ mục kê) do đơn vị tư vấn Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập. Theo đó, hộ ông Thân Văn L sử dụng 02 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 01 là thửa số 54 có diện tích 9.280,2m² và thửa số 52 có diện tích là 28.307m². Sổ giao đất rừng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cấp năm 1995 cho hộ ông Thân Văn L có sơ đồ kèm theo nhưng chỉ thể hiện một khoảng và được trích từ bản đồ có tỷ lệ lớn (1/10.000) không đồng nhất với phương pháp và tỷ lệ đo đạc bản đồ địa chính năm 2007-2008. Vì vậy, thiếu cơ sở khẳng định phần được chứng nhận năm 1995 có trùng khớp hoàn toàn với thửa số 52 và 54 tờ bản đồ địa chính số 01 năm 2007-2008. Năm 1995, việc giao và bàn giao đất tại thực địa cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Yên D do đơn vị Hạt kiểm lâm trực tiếp thực hiện. Nhưng ông L có ý kiến trình bày là gia đình ông được bàn giao trên thực địa là 3,0 ha đất lâm nghiệp là không có cơ sở.

Theo Luật đất đai năm 2013 thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp của hộ ông Thân Văn L không phải là giấy tờ quy định theo khoản 1 Điều

100, không phải là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật đất đai năm 2013. Nay, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà Ng không có ý kiến gì khác.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày*: Đề nghị HĐXX xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là đòi lại tài sản, chứ không phải là Tranh chấp quyền sử dụng đất. Bởi vì tài sản của nguyên đơn đang bị các bị đơn chiếm hữu bất hợp pháp. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Toà án nhân dân Yên Dũng đã quyết định:

Áp dụng các Điều 163, 164, 166 của BLDS; Điều 203 của Luật đất đai;

Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn L và bà Hà Thị Kh về việc yêu cầu: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị D trả lại cho ông, bà 1.258,9m^2 đất lâm nghiệp; bà Nguyễn Thị Thế trả lại cho ông, bà 837,3m^2 đất lâm nghiệp và bà Thân Thị Ph trả lại cho ông, bà 1.806,4m^2 đất lâm nghiệp tại địa chỉ: Thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí , chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 21/11/2019, ông Thân Văn Luyên là nguyên đơn kháng cáo và ông Luyên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông tuyên buộc các cá nhân, gia đình anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị D; bà Thân Thị Th; bà Thân Thị Ph phải trả lại diện tích đất trên thực tế mà trước đây gia đình ông đã cho mượn tại lô 96 tại thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. Cụ thể: gia đình anh Nguyễn Văn H phải trả lại 1.258,9m^2 đất lâm nghiệp; bà Thân Thị Th phải trả lại 837,3m^2 đất lâm nghiệp và bà Thân Thị Ph phải trả lại 1.806,4m^2 đất lâm nghiệp.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn là ông Thân Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Ông L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L thống nhất trình bày: Diện tích đất rừng và lâm nghiệp khoảng hơn 03 ha tại thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang hoàn toàn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án đã có những vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự như: Không mời người làm chứng theo yêu cầu của ông, không căn cứ vào những tình tiết khách quan của vụ án;

không xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; không xem xét đến quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông và kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên D. Từ đó đưa ra những phán quyết không khách quan, công tâm, có sự thiên vị bị đơn và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi lại tài sản chứ không phải là tranh chấp quyền sử dụng đất, đề nghị xem xét lại quan hệ tranh chấp. Đối với căn cứ kháng cáo của ông Luyên là giấy chứng nhận kinh doanh đất rừng của ông L, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ lời khai của bị đơn mà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm buộc anh Hưng, chị D, bà Ph, bà Thế phải trả lại ông L diện tích đất đã lấn chiếm. Các tài liệu chứng cứ phía bị đơn đưa ra đều không phải là giấy tờ hợp pháp chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn. Đối với sổ bìa xanh phía anh Hưng cung cấp giao đất cho bà Trinh không ghi rõ giao ở vị trí nào, tứ cận ở đâu nên không có căn cứ xác định đây là phần diện tích đất tranh chấp với ông L, căn cứ pháp lý ông L đòi đất là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông L.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông L. Diện tích đất tranh chấp là do Hạt kiểm lâm huyện Yên D cấp cho gia đình anh 1000m^2 để trồng cây. Ông L cho rằng diện tích đất tranh chấp là của ông L là không có căn cứ. Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn là bà Thân Thị Th trình bày: Gia đình bà sử dụng ổn định diện tích 1.046,8m^2 từ năm 1994 đến nay và không có tranh chấp gì. Giữa gia đình ông L và gia đình bà không hề có việc cho nhau mượn đất rừng. Thực tế, diện tích đất rừng nhà bà có tên trong sổ mục kê chứ gia đình bà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L.

* Bị đơn là bà Thân Thị Ph trình bày: Diện tích đất mà ông L đang khởi kiện là do nhà nước cấp cho gia đình bà vì gia đình bà đã tự khai hoang, trồng trọt từ nhiều năm trước. Gia đình bà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì Ủy ban nhân dân huyện Yên D trả lời là do diện tích đất rừng của gia đình bà không đủ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên diện tích đất rừng nhà bà được cấp Giấy chứng nhận chung với gia đình ông L. Hiện tại, gia đình bà vẫn sử dụng ổn định diện tích đất này từ nhiều năm và không có tranh chấp gì. Bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông L.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Do diện tích đất của gia đình không đủ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã cấp giấy chung với gia đình nhà ông L, gia đình bà không mượn đất của ông Luyên mà gia đình bà trồng cây bạch đàn từ năm 1988-1989.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã

được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Thân Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Thân Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn là bà Thân Thị Th, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị D; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ph, anh Nguyễn Văn Thanh, anh Nguyễn Văn Q, chị Dương Thị H, Ủy ban nhân dân xã Tiền Ph, Ủy ban nhân dân huyện Yên D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Đối với chị Nguyễn Thị Hồng H1 hiện đang học tập tại Nhật Bản. Chị H1 đã có bản tự khai xác định không liên quan gì đến vụ án và từ chối tham gia tố tụng, các văn bản tố tụng tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà Th1 là mẹ chị H1 do vậy, việc chị H1 không tham gia tố tụng cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của chị H1, do đó Tòa án nhân dân huyện Yên D xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Ông L, bà Kh nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn H, bà Thân Thị Ph, bà Thân Thị Th trả lại diện tích đất lâm nghiệp cho gia đình ông mượn. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của ông Thân Văn L về việc đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông. Buộc gia đình anh Hưng phải trả lại 1.258,9m^2 đất lâm nghiệp; bà Thân Thị Th phải trả lại 837,2m^2 đất lâm nghiệp và bà Thân Thị Ph phải trả lại 1.806,4m^2 đất lâm nghiệp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đòi lại đất là:

Năm 1995 gia đình ông Thân Văn L được Ủy ban nhân dân huyện Yên D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đối với lô 96 có diện tích là 1,5 ha có địa chỉ tại thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D và có Biên bản giao nhận rừng và đất lâm nghiệp vào ngày 21/7/1995. Năm 1990 gia đình ông Thân Văn L có cho hộ gia đình bà Ph mượn diện tích đất rừng khoảng 1.302m² để trồng bạch đàn. Khoảng năm 1993 - 1994 gia đình ông, bà cho hộ gia đình bà Trinh (mẹ anh Hưng) mượn khoảng 1000m² đất rừng, cho gia đình bà Thế mượn khoảng 800m² đất rừng để trồng bạch đàn. Khi cho các hộ gia đình trên mượn đất rừng thì các bên không lập giấy tờ cho mượn và cũng không đo diện tích cụ thể cho mượn là bao

nhiêu mà chỉ áng chừng như trên. Khi cho các hộ mượn ông, bà cũng không đưa các hộ trên lên núi để giao cho họ trên thực địa nên các hộ sử dụng diện tích của nhà ông, bà chỗ nào ông, bà cũng không nắm được. Các bên chỉ nói bằng miệng là cho nhau mượn đất rừng. Sau khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định đã xác định đất tranh chấp là 16.649,2m^2. Nay ông, bà nhất trí với kết quả này và đề nghị các anh Hưng, chị D trả lại cho gia đình ông, bà 1258,9m^2 đất lâm nghiệp; bà Thế trả lại cho gia đình ông, bà 837,3m^2 đất lâm nghiệp; bà Ph trả lại cho gia đình ông, bà 1806,4m^2 đất lâm nghiệp mà hộ gia đình ông, bà đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các bị đơn không công nhận việc mượn đất của nguyên đơn. Các bị đơn cho rằng nguồn gốc đất các bị đơn đang sử dụng là của gia đình các bị đơn đã sử dụng từ những năm 1980 về trước. Mặc dù các bị đơn không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng các bị đơn vẫn sử dụng từ trước đến nay, không có tranh chấp với ai và đã có tên người sử dụng đất trong sổ mục kê, sổ địa chính của UBND xã Tiền Ph và sơ đồ địa chính của Ủy ban nhân dân huyện Yên D. Nên các bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện năm 1995 nguyên đơn được giao 1,5ha đất lâm nghiệp địa chỉ thửa đất lô 96 tại thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D. Nguyên đơn cho rằng trong giấy ghi 1,5ha nhưng thực tế là 3ha. UBND xã Tiền Ph và UBND huyện Yên D không công nhận việc này, nguyên đơn cũng không xuất trình được tài liệu gì chứng minh cho việc được giao 3ha đất. Do đó, lời trình bày của nguyên đơn về việc được giao 03ha đất lâm nghiệp là không có căn cứ.

- Nguyên đơn cho rằng năm 1995 đã cho gia đình bà Ph mượn 1.806,4m^2 đất rừng; năm 2000 cho gia đình anh Hưng, chị D mượn 1.258,9m^2 và cho bà Thế mượn 837,3m^2. Các bị đơn không công nhận việc mượn đất, nguyên đơn cũng không xuất trình được tài liệu gì chứng minh cho việc cho mượn đất. Theo quy định tại Điều 6 của Luật đất đai năm 1993 thì việc chuyển quyền sử dụng đất cho người khác như ông L trình bày là trái pháp luật.

Tại Điều 31 Luật đất đai năm 1993 quy định thủ tục chuyển quyền sử dụng đất phải thực hiện tại UBND có thẩm quyền. UBND xã Tiền Ph và UBND huyện Yên D không xác nhận việc nguyên đơn cho bị đơn mượn đất, ông L cho rằng cho các bị đơn mượn đất nhưng ông không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc ông cho mượn đất, bị đơn không thừa nhận. Căn cứ Điều 113, Nghị định 181 của Chính phủ quy định về điều kiện người sử dụng đất được quyền đòi lại đất là phải có giấy tờ về việc cho mượn đất nên việc ông L trình bày cho mượn đất là không có căn cứ. Do đó, không có căn cứ xác định nguyên đơn cho bị đơn mượn đất.

Ngày 11/6/2019 Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, sau khi đo vẽ, xác định các thửa đất như sau:

- Nguyên đơn đang quản lý, sử dụng có diện tích 12.746,6 m^2;
- Ông H quản lý, sử dụng có diện tích 1.258,9 m^2;
- Ông Phú quản lý, sử dụng có diện tích 1.806,4 m^2;

- Bà Thế quản lý, sử dụng có diện tích 837,3 m^2;

Như vậy, gia đình nguyên đơn đang sử dụng 12.746,6 m^2, giảm so với giấy chứng nhận mà nguyên đơn được giao.

Thời điểm năm 1993 khi giao đất lâm nghiệp cho các hộ dân thì các cơ quan chuyên môn cũng không có phương tiện kỹ thuật đo đạc hiện đại như hiện nay nên việc tăng, giảm diện tích so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản thân nguyên đơn cũng thừa nhận là không hề được đo đạc diện tích khi giao đất lâm nghiệp mà cán bộ chỉ tay cho nguyên đơn biết đất rừng nhà nguyên đơn ở khoảng nào. Khi giao đất không có bản đồ, không có ranh giới, mốc giới. Hơn nữa các bị đơn đã sử dụng ổn định từ trươc đến nay ông Luyên không có ý kiến gì.

Mặt khác, UBND huyện Yên D cũng không xác định được "lô 96" ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cấp cho nguyên đơn hiện giờ thuộc thửa đất nào, tờ bản đồ số bao nhiêu của xã Tiền Ph; không xác định được có phải là thửa đất nguyên đơn và bị đơn đang sử dụng là thửa đất số 96 ghi trong giấy chúng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp hay không.

Toàn bộ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cấp cho nguyên đơn hiện nay Ủy ban không cung cấp được (BL 224).

+ Tại biên bản làm việc ngày 18/3/2019 (BL 97) Hạt kiểm lâm huyện Yên D cho biết không còn lưu giữ tài liệu gì về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cấp cho nguyên đơn.

+ UBND xã Tiền Ph cho biết (BL 82): Thửa đất số 96 ghi trong giấy, thực tế hiện nay thửa đất rừng gia đình ông L giáp ranh với các hộ nào thì UBND không nắm được.

+ UBND xã Tiền Ph trình bày: Năm 2007 UBND huyện có tổ chức đo đạc lại diện tích đất lâm nghiệp. Theo tờ bản đồ số 01 còn lưu giữ thì hộ ông Thân Văn L và hộ ông Thân Văn Phú, bà Thân Thị Th cùng chung thửa 52 với diện tích chung ba hộ là 28.307m². Trong đó hộ ông Phú là 1829,6m² (thửa 25, tờ bản đồ số 78), diện tích bà Thế là 1046,8m² (thửa số 34, tờ bản đồ số 78).

Theo trích tờ bản đồ do UBND xã Tiền Ph cung cấp (BL 232, 230) thì thửa đất nguyên đơn sử dụng được tiếp giáp với nhiều thửa đất khác nhau.

+ Ủy ban nhân dân xã Tiền Ph, Ủy ban nhân dân huyện Yên D đều xác nhận gia đình bà Trinh, ông Phú, bà Thế sử dụng đất trồng rừng ổn định từ trước thời điểm ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc anh Hưng cung cấp được phiếu giao đất trồng rừng cho bà Ngụy Thị Trinh với diện tích 1000m^2 đất được cấp từ ngày 23/7/1089.

Như vậy, không có căn cứ để xác định các bị đơn đã lấn chiếm đất của nguyên đơn. Cũng không có căn cứ xác định diện tích đất nguyên đơn hiện dang sử dụng sử dụng 12.746,6m², thiếu (giảm) so với giấy chứng nhận mà nguyên đơn được giao nguyên nhân là do đâu, vì không xác định được thửa đất số 96 có phải là thửa đất nguyên đơn đang sử dụng hay không. Ngoài 3 bị đơn có diện tích đất tiếp giáp với đất của bị đơn, thì còn nhiều gia đình khác có đất tiếp giáp với đất của nguyên đơn. Bên cạnh đó, theo nguyên đơn trình bày thì thời điểm cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ ông Thân Văn L năm 1995, các cơ quan chuyên môn không tiến hành đo đạc diện tích thực tế nên không xác định được chính xác diện tích nguyên đơn được nhận là bao nhiêu.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm ông L không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới nên không có căn cứ xem xét yêu cầu kháng cáo của ông L.

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Thân Văn L và bà Hà Thị Kh phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.000.000 đồng.

[3]. Với những phân trích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp yêu cầu kháng cáo của ông L, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông Thân Văn L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ các Điều 163, Điều 164, Điều 166 của BLDS; Điều 203 của Luật đất đai;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn L và bà Hà Thị Kh về việc yêu cầu: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị D trả lại cho ông, bà 1.258,9m^2 đất lâm nghiệp; bà Nguyễn Thị Thế trả lại cho ông, bà 837,3m^2 đất lâm nghiệp và bà Thân Thị Ph trả lại cho ông, bà 1.806,4m^2 đất lâm nghiệp tại địa chỉ: Thôn Yên Sơn, xã Tiền Ph, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang (có sơ đồ kèm theo).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Thân Văn L và bà Hà Thị Kh phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.000.000 đồng (xác nhận ông L bà Kh đã nộp đủ).

3. Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Thân Văn L và bà Hà Thị Kh. Trả lại ông Thân Văn L và bà Hà Thị Kh 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0002969 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Thân Văn L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Yên D;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết Phạm Thị Minh Hiền **Trần Thị Hà**